VinaCapital

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***
***Independence - Freedom - Happiness***

*Số: 20261109-01/VCFM-FUEMITEC*

Ngày 09 tháng 11 năm 2026/ Date 09-Nov-2026

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU**
**ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF**
***BASKET OF COMPONENT SECURITIES AND CASH TO EXCHANGE FOR ETF LOT***

Kính gửi/*Dear*: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management Company:* Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital/ *VinaCapital Fund Management Joint Stock Company*

- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)/ *Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited*
- Tên quỹ ETF/ *ETF name*: QUỸ ETF VINACAPITAL VNMITECH/ *VINACAPITAL VNMITECH ETF*
- Mã chứng khoán/ Securities *code*: **FUEMITEC**
- Địa chỉ trụ sở/ *Main office address*: Lầu 17, tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam/
*17th Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:*

- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date*: **10/11/2026**

- Đơn vị tính: 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Components and weighting:*

| STT<br>*No.* | Mã chứng khoán<br>*Securities code* | Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)<br>*Volume/ Amount* | Tỷ lệ % trong danh mục<br>*Weight (%)* |
|---|---|---|---|
| **I.Chứng khoán/ *Stock*** | | **856,129,000** | **99.60** |
| 1 | CII | 1,800 | 2.88 |
| 2 | CMG | 300 | 0.61 |
| 3 | CTD | 200 | 1.64 |
| 4 | CTR | 100 | 0.74 |
| 5 | DCM | 400 | 1.44 |
| 6 | DGW | 300 | 1.35 |
| 7 | DIG | 2,100 | 2.54 |
| 8 | DPG | 200 | 0.75 |
| 9 | DPM | 900 | 2.02 |
| 10 | FPT | 2,200 | 13.05 |
| 11 | GEE | 300 | 2.21 |
| 12 | GEX | 2,600 | 6.64 |
| 13 | GMD | 1,600 | 9.81 |
| 14 | GVR | 500 | 1.70 |
| 15 | HAH | 300 | 1.67 |
| 16 | HDG | 700 | 1.32 |
| 17 | HHV | 1,400 | 1.55 |
| 18 | HPG | 6,300 | 15.32 |
| 19 | HSG | 1,800 | 2.28 |
| 20 | IJC | 900 | 0.74 |
| 21 | LCG | 500 | 0.38 |
| 22 | NKG | 1,200 | 1.71 |
| 23 | PC1 | 700 | 1.34 |
| 24 | PET | 300 | 1.76 |
| 25 | PHR | 300 | 1.03 |
| 26 | REE | 600 | 3.29 |
| 27 | TCH | 1,500 | 2.31 |
| 28 | VCG | 1,100 | 1.92 |
| 29 | VGC | 100 | 0.46 |
| 30 | VJC | 800 | 12.52 |
| 31 | VSC | 1,000 | 1.55 |
| 32 | VTP | 200 | 1.06 |
| **II.Tiền/ *Cash*** | | **3,433,115** | **0.40** |
| **III.Tổng/ *Total* (=I+II)** | | **859,562,115** | **100** |

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between the value of basket of component securities and the value per lot of ETF:*
  + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND) 856,129,000
  + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND) 859,562,115
  + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Difference in value (if any):* (VND) 3,433,115
  + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to deal with the difference*:
  . Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
  . Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Classified: Public

- Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có)/ *In case, stock can be replaced by cash (if any)*

| Mã chứng khoán<br>*Securities code* | Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)<br>*Cash amount is replaced for 1 share (VND)* | Đối tượng áp dụng<br>*Applied to* | Lý do<br>*Reason* |
|---|---|---|---|
| GVR | 32,120 | Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit |
| PET | 55,330 | Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit |
| PHR | 32,615 | Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit |
| REE | 51,920 | Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit |

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any):*
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other information (if any):*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.
*We declare that all information provided in this paper is true and accrate; we shall be legally responsible for any mispresentation.*

**Đại diện Công ty cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital**
***Representative of VinaCapital Fund Management JSC***
Người được ủy quyền CBTT
*Person authorized to disclose information*
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
*(Signature, full name, position, and seal)*

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
Thời gian ký: 09.11.2026 17:42:09 +07:00

S.G.P: 31 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

**Đinh Gia Ninh**
Trưởng bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ
*Head of Internal Control*

Classified: Public